

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 227/2018/DS-PT

Ngày: 07-02-2018

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Phạm Hồng Giảng**
2/ Bà **Nguyễn Thị Huyền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Từ Thanh Uyên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Lâm** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15, ngày 18 tháng 01 và ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 538/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 1714/2017/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2690/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Mai Vương V**, sinh năm: 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 71/2 Tổ B, đường L, Khu phố B, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: **Nguyễn Thị Kim P**, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: Số 165/22/3 đường N, Phường M, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 34 đường L, Phường K, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Giấy uỷ quyền số 00001380 ngày 05/3/2014 tại Văn phòng công chứng Đ)

2. Bị đơn: Ông **Mai Đức H**, sinh năm: 1961; (có mặt)

Địa chỉ: Số 662/61 đường B, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Công Ty M;

Địa chỉ: 34/3 đường Y, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị P**, sinh năm 1957 – Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Quốc H**, sinh năm 1958; (có mặt)

Địa chỉ: Phòng H, Lầu F, Lô A, Chung cư M, phường T, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/11/2017)

3.2 Bà Trần Thị Lệ L, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: 662/61 đường T, Phường K, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3 Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 200/20 đường B, Phường P quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn A** – Chức vụ: Chi cục trưởng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Đinh Thị Đ** – Chức vụ: Chấp hành viên. (có mặt) (Theo Giấy ủy quyền tham gia tố tụng ngày 21/12/2017).

3.4 Phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ: 12 đường S, phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Lệ T** – Chức vụ: Trưởng phòng (xin vắng mặt)

4. *Viện kiểm sát kháng nghị:* **Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.**

5. *Người kháng cáo:*

5.1 Ông **Mai Vương V**, sinh năm 1973 – Nguyên đơn;

5.2 Ông **Mai Đức H**, sinh năm 1961 – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các biên bản hòa giải và bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Kim P trình bày:

Ngày 11/6/2009, ông Mai Vương V mua chiếc xe ô tô hiệu F mang biển số A của ông Mai Đức H theo hợp đồng mua bán xe được Phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận, số công chứng 15987. Ông H đã bàn giao xe cho ông V ngay sau khi ký hợp đồng. Tuy nhiên, do bận công việc ông V chưa làm được thủ tục trước bạ sang tên.

Ngày 01/7/2013, ông V thỏa thuận cho ông H thuê lại chiếc xe trên theo Hợp đồng thuê xe được các bên ký kết với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Từ ngày cho thuê đến nay, ông V chưa nhận được tiền thuê xe từ ông H.

Ngày 12/7/2013, Chi cục Thi hành án dân sự quận A đã tự ý tạm giữ chiếc xe của ông V mua, không lập biên bản về việc tạm giữ.

Ông H đã làm đơn khiếu nại và được Chi cục Thi hành án dân sự quận A trả lời: Chi cục Thi hành án dân sự quận A đang thi hành bản án số

299/2012/DS-ST ngày 11/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh D. Theo nội dung bản án, ông H phải trả cho Công Ty M số tiền 698.224.000 đồng tiền thuê đất. Do ông H không tự nguyện thi hành án nên sau khi đã làm thủ tục xác minh tài sản của ông H, Chi cục Thi hành án dân sự quận A đã cưỡng chế kê biên chiếc xe ô tô hiệu F mang biển số A.

Ông V cho rằng, ông không liên quan đến bản án số 299/2012/DS-ST ngày 11/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh D, ông đã mua xe hợp pháp của ông H từ ngày 11/6/2009. Ông đã yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận A trả lại chiếc xe cho ông nhưng không được chấp nhận nên ông khởi kiện, yêu cầu Tòa án:

Buộc ông Mai Đức H tiếp tục thực hiện Hợp đồng mua bán xe ngày 11/6/2009, giá trị chiếc xe theo Hợp đồng mua bán là 120.000.000 đồng. Hiện tại, ông đồng ý với giá trị chiếc xe theo kết quả thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá Q theo Chứng thư thẩm định giá là 256.000.000 đồng.

Buộc ông H bồi thường cho ông thiệt hại phát sinh bị mất từ hoạt động kinh doanh cho thuê xe từ ngày 12/7/2013 tạm tính đến ngày 17/02/2014 là 07 tháng, mỗi tháng 15.000.000 đồng, tổng cộng 105.000.000 đồng.

Bị đơn – ông Mai Đức H trình bày:

Ông thừa nhận có bán chiếc xe ô tô hiệu F mang biển số A cho ông V theo hợp đồng mua bán xe ngày 11/6/2009 và có thuê lại chiếc xe để kinh doanh với giá 15.000.000 đồng/tháng như lời trình bày của ông V.

Ngày 12/7/2013, Chi cục Thi hành án dân sự quận A tạm giữ chiếc xe ô tô mà ông đã bán cho ông V.

Nay ông yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán xe của ông V và đồng ý sang tên khi án có hiệu lực pháp luật. Ông đồng ý giá trị chiếc xe 256.000.000 đồng theo Chứng thư thẩm định giá của Công ty cổ phần Thẩm định giá Q.

Tuy nhiên, do xe đang bị Chi cục Thi hành án dân sự quận A tạm giữ nên ông không chấp nhận yêu cầu bồi thường của ông V. Ông đã bán xe hợp pháp cho ông V từ năm 2009, việc tạm giữ chiếc xe là bất hợp pháp nên ông yêu cầu Tòa án đưa Chi cục Thi hành án dân sự quận A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự quận A bồi thường thiệt hại cho ông V.

Đối với Công Ty M, ông không đồng ý công ty này tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vì công ty này đã bỏ trốn và ngưng hoạt động từ năm 2008.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công Ty M có ông Lê Quốc H – người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tại bản án số 155/2009/DS-PT ngày 02/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh D, ông Mai Đức H có nghĩa vụ phải trả cho Công ty M số tiền 698.224.000 đồng tiền thuê đất. Chi cục Thi hành án dân sự quận A tạm giữ chiếc xe ô tô của ông H để đảm bảo thi hành án.

Theo quy định pháp luật, ông V phải có nghĩa vụ làm thủ tục sang tên nhưng ông V chưa hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu nên chiếc xe ô tô vẫn thuộc quyền sở hữu của ông H.

Việc ông H bán chiếc xe cho ông V khi bản án số 155/2009/DSPT ngày 02/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh D đã có hiệu lực pháp luật nên việc kê biên chiếc xe của Chi cục Thi hành án dân sự quận A là phù hợp pháp luật. Do vậy, Công ty M yêu cầu Tòa án:

Công nhận chiếc xe ô tô hiệu F mang biển số A là của ông Mai Đức H.

Công nhận việc kê biên chiếc xe của Chi cục Thi hành án dân sự quận A là đúng pháp luật.

Đưa Chi cục Thi hành án dân sự quận A vào tham gia tố tụng để bảo vệ quyền lợi của Công ty M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ L trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu của chồng bà là ông Mai Đức H, ngoài ra bà không bổ sung gì thêm. Bà Huyền có đơn xin vắng mặt tại các buổi hòa giải, phiên họp và xét xử.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Phòng công chứng T xác định việc chứng nhận Hợp đồng mua bán xe số 15987 ngày 11/06/2009 do Phòng công chứng T chứng nhận nêu trên là hoàn toàn đúng với trình tự, thủ tục luật định, thành phần hồ sơ có đầy đủ những giấy tờ theo quy định pháp luật. Đương sự ký hợp đồng nêu trên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và đúng với các giấy tờ xuất trình tại thời điểm ký kết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật công chứng thì người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đầy đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó. Trong trường hợp người yêu cầu công chứng có hành vi gian dối thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục Thi hành án dân sự quận A trình bày:

Chi cục Thi hành án dân sự quận A nhận được hồ sơ ủy thác thi hành án số 132/QĐ-CCTHA ngày 02/01/2013 của Chi cục Thi hành án huyện A, tỉnh D tiếp tục việc thi hành án đối với ông Mai Đức H. Căn cứ Quyết định ủy thác, bản án số 299/2012/DS-ST ngày 11/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh D có hiệu lực pháp luật và đơn yêu cầu thi hành án của Công Ty M, Chi cục Thi hành án dân sự quận A đã ra Quyết định thi hành án số 861/QĐ-CCTHA ngày 09/01/2013.

Quá trình thi hành án, chấp hành viên được phân công tổ chức thi hành án đối ông H nhưng không kết quả. Sau khi thực hiện việc xác minh, được Phòng cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt Công an Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp ông Mai Đức H là chủ xe ô tô hiệu F mang biển kiểm soát A có số máy AJ, số khung K (kết quả xác minh số 651/XM ngày 05/4/2013). Trên cơ sở kết

quả xác minh, Chấp hành viên ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 213/QĐ-CCTHA ngày 05/4/2013 đối với chiếc xe trên. Ngày 08/4/2013, Chấp hành viên đã thông báo Quyết định tạm dừng số 213/QĐ-CCTHA ngày 05/4/2013 cho ông Mai Đức H.

Hết thời hạn 15 ngày theo quy định pháp luật, Chấp hành viên đã ra Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 76/QĐ-CCTHA ngày 01/8/2013 để kê biên chiếc xe ô tô của ông H. Ngày 05/8/2013, Chấp hành viên đã thông báo Quyết định cưỡng chế trên cho ông H do bà Trần Thị Lệ L (vợ ông H) nhận thay. Ngày 15/8/2013, Chấp hành viên đã thực hiện việc kê biên chiếc xe ô tô hiệu F của ông H.

Căn cứ Khoản 1 Điều 89, Điều 96 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 quy định, Chấp hành viên thực hiện việc cưỡng chế kê biên tài sản là chiếc xe ô tô hiệu F, biển số A của ông Mai Đức H để thi hành án là đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 1714/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Mai Vương V :

- Đòi ông Mai Đức H, bà Trần Thị Lệ L thực hiện tiếp Hợp đồng mua bán xe hiệu F biển số A theo Hợp đồng công chứng số 15987 ngày 11/06/2009 của Phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đòi ông H bồi thường số tiền do thuê xe ô tô chưa trả là 50.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của Công Ty M:

Công nhận chiếc xe hiệu F, biển số A là thuộc sở hữu của ông Mai Đức H

Công nhận việc kê biên chiếc xe ô tô hiệu F, biển số A của Chi cục Thi hành án dân sự quận A là đúng quy định của pháp luật.

3. Bác yêu cầu của ông H đòi Chi cục Thi hành án dân sự quận A bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho ông Mai Vương V.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28/8/2017, Tòa án nhận được có đơn kháng cáo đề ngày 21/8/2017 của nguyên đơn ông Mai Vương V với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 25/8/2017 Tòa án nhận được đơn kháng cáo đề ngày 22/8/2017 của bị đơn ông Mai Đức H với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 15/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định kháng nghị số 54/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Mai Vương V có người đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu kháng cáo: Tiếp tục hợp đồng mua bán xe với ông Mai Đức H; Ông Mai Vương V là người mua xe ngay tình nên yêu cầu xác định hợp đồng mua bán xe có giá trị pháp lý; Trường hợp Tòa án xác định hợp đồng mua bán xe vô hiệu thì nguyên đơn yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Yêu cầu ông H bồi thường thiệt hại do mất thu nhập từ hoạt động cho thuê xe là 50.000.000 đồng.

Bị đơn ông Mai Đức H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị hủy án do Tòa sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự: Không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; Giao dịch mua bán xe giữa ông H và ông V là hợp pháp ngay tình có công chứng chứng thực nhưng Chi cục thi hành án dân sự quận A kê biên ngăn chặn quyền sở hữu tài sản xe của ông V là không đúng. Mặt khác, Công Ty M ngưng hoạt động nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận tư cách pháp nhân của Công Ty M ủy quyền cho ông Lê Quốc H là vi phạm tố tụng; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có đơn yêu cầu độc lập nhưng Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập là không đúng quy định.

Chi cục Thi hành án Dân sự quận A và Công Ty M đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Tòa án chấp nhận. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát còn trong thời hạn luật định nên hợp pháp. Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Tòa sơ thẩm chỉ thụ lý, giải quyết quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán xe mà không thụ lý giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại trong hợp đồng thuê xe là thiếu sót và vi phạm quyền tự định đoạt của đương sự quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án xác định không đúng yêu cầu phản tố và thực hiện không đúng thủ tục thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn.

Về nội dung: Tòa sơ thẩm nhận định Hợp đồng mua bán xe ngày 11/6/2009 là vô hiệu nhưng tại phần quyết định không tuyên Hợp đồng vô hiệu và hủy hợp đồng vô hiệu mà chỉ tuyên không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn là chưa phù hợp. Nếu Tòa án không tuyên hợp đồng mua bán xe nêu trên là vô hiệu và hủy hợp đồng vô hiệu thì không đủ cơ sở để bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như xem xét đến yêu cầu hủy hợp đồng mua bán xe theo yêu cầu độc lập của Công Ty M. Do chưa giải quyết yêu cầu tuyên hủy hợp đồng mua bán xe của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên Tòa án chưa tính án phí cho phần yêu cầu này mà hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công Ty M là chưa phù hợp với quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên, căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát; Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn; Hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phòng công chứng T, Thành phố Hồ Chí Minh có người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Lê T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Lệ L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Vương V, bị đơn ông Mai Đức H, xét thấy:

[2.1] Căn cứ bản án số 155/2009/DS-PT ngày 02/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh D, ông Mai Đức H có nghĩa vụ phải trả cho Công Ty M số tiền 698.224.000 đồng tiền thuê đất. Chi cục Thi hành án dân sự quận A đã kê biên chiếc xe ô tô hiệu F, biển số A của ông H để đảm bảo thi hành án. Tuy nhiên, ngày 11/6/2009, ông Mai Đức H và bà Trần Thị Lệ L bán chiếc xe trên cho ông Mai Vương V theo hợp đồng mua bán xe số 15987 công chứng tại Phòng công chứng T, nhưng chưa sang tên chủ quyền xe cho ông V.

[2.2] Theo quy định tại Khoản 2 Điều 439, Khoản 2 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2005, ông Mai Vương V phải có nghĩa vụ làm thủ tục sang tên xe nhưng ông V chưa hoàn thành thủ tục đăng ký quyền sở hữu nên chiếc xe ô tô trên vẫn thuộc quyền sở hữu của ông Mai Đức H.

[2.3] Mặt khác, theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010, được quy định như sau: “kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người phải thi hành án bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác...”

Kể từ thời điểm có bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc trong trường hợp đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án mà tài sản bị

bán, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnh, cầm cố cho người khác, người phải thi hành án không thừa nhận tài sản là của mình thì bị kê biên, xử lý để thi hành án”.

Như vậy, ông H bán chiếc xe cho ông V vào ngày 11/06/2009 trong khi bản án số 155/2009/DS-PT ngày 02/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh D đã có hiệu lực pháp luật, có nghĩa là ông H bán xe sau khi Bản án trên có hiệu lực nên việc kê biên chiếc xe ô tô hiệu F biển số A của Chi cục Thi hành án dân sự quận A là đúng. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định trong phần nhận định của bản án là Hợp đồng mua bán xe giữa ông H, bà Huyền và ông V được công chứng số 15987 tại Phòng công chứng T ngày 11/06/2009 là vô hiệu là có căn cứ. Tại Tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa sơ thẩm không xem xét là đúng.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý nếu Tòa án xác định hợp đồng mua bán xe vô hiệu. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho đương sự, cần giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu, các bên khôi phục tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm xác định sai yêu cầu phản bác của bị đơn là yêu cầu phản tố, trong khi bị đơn không có đơn phản tố nhưng Tòa sơ thẩm thông báo cho bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí phản tố là không đúng theo trình tự thủ tục quy định. Do đó, Tòa sơ thẩm cần đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn do chưa đủ điều kiện khởi kiện và hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bị đơn như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[4] Mặt khác, tại phần nhận định của bản án sơ thẩm có nhận định hợp đồng mua bán xe vô hiệu là đúng nhưng phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên bố hợp đồng vô hiệu mà chỉ tuyên không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là không đúng. Do đó, khi giải quyết lại vụ án, Tòa án sơ thẩm cần phải tuyên hợp đồng vô hiệu, giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và tính án phí cho phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, cần phải hủy án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đây là tình tiết mới tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn mới có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu nên Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[6] Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Mai Vương V; Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Mai Đức H; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Hủy bản án sơ thẩm để giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; Tính lại án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do hủy án nên người kháng cáo không phải chịu; Hoàn lại tiền tạm ứng án phí kháng cáo cho ông V và ông H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/2/2009, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mai Vương V.
3. Chấp nhận kháng cáo của ông Mai Đức H.
4. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 1714/2017/DSST ngày 17/8/2017 của Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao toàn bộ hồ sơ thụ lý số 538/DSPT ngày 27/10/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cho Tòa án nhân dân quận A, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm được giải quyết khi vụ án được giải quyết lại.
6. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn lại cho ông Mai Vương V số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002805 ngày 01/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho ông Mai Đức H số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002788 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- TAND quận A, Tp.HCM;
- Chi cục THADS quận A;
- Các đương sự;
- Lưu (P/18).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hằng